

Bản án số: 60 /2019/HS-ST  
Ngày 25/11/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đức Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Ánh Hồng và bà Nguyễn Thị Mai Hoa

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Phương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Bá Cường - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2019/HSST ngày 12 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Ngọc S** - Sinh ngày: 13/4/1997 tại N, T; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Quốc L và bà Ngô Thị Kim T; Vợ: Vũ Thị H, con có 01 con, sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam: từ 13/8/2019 đến 19/8/2019 được tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: chị Bùi Diệu M – sinh năm 1997; Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người làm chứng: Nguyễn Thị T1 – sinh năm 2001; Nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Hoàng Quốc L; Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đ. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 10/5/2018 tại nhà hàng Cường Trọc thuộc xóm T, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình, Hoàng Ngọc S mượn 01 chiếc xe mô tô BKS 28G1 – 212.99 của chị Bùi Diệu M (là nhân viên nhà hàng) để đi đón bạn, chị M đồng ý và giao chìa khóa xe cho S. Sau khi mượn được xe S điều khiển xe mô tô BKS 28G1 – 212.99 đi đón Nguyễn Thị T1, S nói với T1 cùng đi đến nhà hàng Cường Trọc để làm thuê

nhưng T1 không đồng ý và nhờ S chở đến Thành phố T, tỉnh T để tìm việc làm. Sau đó S chở T1 bằng chiếc xe mô tô BKS 28G1 – 212.99 mượn của chị M chở T1 đến Thành phố T, thì T1 gọi bán đến đón đi làm. Còn S lúc này không quay về trả xe cho chị M mà S ở lại thuê phòng nghỉ trọ tại Thành phố T, đến ngày 17/5/2018 thì S đã chi tiêu hết số tiền mang theo nên đã nảy sinh ý định bán chiếc xe mô tô BKS 28G1 – 212.99 của chị M để lấy tiền chi tiêu. S điều khiển chiếc xe mô tô BKS 28G1 – 212.99 đến một quán nước tại thành phố T rồi bán chiếc xe mô tô BKS 28G1 – 212.99 cho một người đàn ông không quen biết lấy số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó S đi xe ô tô khách về nhà vợ tại Thôn N, xã A, huyện M, TP H. Đối với số tiền 5.000.000 đồng so bán xe mô tô mà có, S đã chi tiêu cá nhân hết. Ngoài ra S còn chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng của chị M để trong cốp xe mô tô BKS 28G1 – 212.99 trước đó. Đến ngày 10/8/2019 S đến cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá ngày 15/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện L kết luận: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, BKS 28G1 – 212.99, số khung RLHJA309HY474580, số máy JA39E0449472, màu sơn trắng, đã qua sử dụng với tổng giá trị tài sản định giá là 13.000.000 đồng.

Cáo trạng số 62/CT-VKSLS ngày 11/11/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Hoàng Ngọc Sơn về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L đề nghị truy tố bị cáo Hoàng Ngọc S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 38 BLHS xử phạt từ 18 đến 24 tháng tù.

Về vật chứng: 01 chiếc xe mô tô BKS 28G1 – 212.99 nhãn hiệu HONDA loại xe Wave, số khung RLHJA309Hy474580, số máy JA39E0449472, màu sơn trắng, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng chưa có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX nghị nhận việc thỏa thuận của các đương sự là 18.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại và người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng

hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ: Biên bản tiếp nhận người ra đầu thú, đơn trình báo, kết luận định giá, biên bản xác minh, lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, biên bản đối chất tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu khác trong hồ sơ đã có đủ cơ sở để khẳng định:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo thể hiện như sau: Khoảng 9 giờ ngày 10/5/2018 do quen biết với chị Bùi Diệu M, nên Hoàng Ngọc S mượn chị Bùi Diệu M 01 chiếc xe máy WAVE BKS 28G1 – 212.99 để đi đón chị Nguyễn Thị T1 đi chơi ở T và tìm việc làm. Khi đến T, T1 gặp bạn và ở cùng với bạn, còn Hoàng Ngọc S thuê trọ một mình, khoảng gần một tuần sau khi Sơn hết tiền đã nảy sinh ý định và bán chiếc xe máy BKS 28G1 – 212.99 cho một người đàn ông không quen biết với giá 5.000.000 đồng. Ngoài ra Hoàng Ngọc S còn chiếm đoạt 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng do chị Bùi Diệu M để trong cốp xe máy, số tiền trên bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 10/8/2019 Hoàng Ngọc S ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của bị cáo là lợi dụng sự tin tưởng để mượn xe mô tô BKS 28G1 – 212.99 của chị M và sau khi sử dụng đã đem bán cho người khác trong khi chưa được sự đồng ý của chị M và không có khả năng trả lại chiếc xe của chị M. Như vậy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 175 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2019.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện đầu thú trước cơ quan điều tra, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Hoàng Ngọc Sơn đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; gia đình bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Bị cáo đã ra đầu thú tại cơ quan điều tra được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Nên HĐXX xét cho bị cáo được hưởng tình tiết này là phù hợp.

Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, nhân thân của bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử xét thấy trước lần phạm tội này bị cáo chưa bị xét xử bằng một bản án hay xử lý vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật nào; phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên HĐXX xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo là cũng đủ để rèn đe, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện và có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo Hoàng Ngọc S không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với người đàn ông đã mua chiếc xe mô tô BKS 28G1 – 212.99 do Hoàng Ngọc S bán. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh truy tìm để thu hồi chiếc xe nhưng chưa có kết quả, HĐXX đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, khi nào có kết quả sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về vật chứng: 01 chiếc xe mô tô BKS 28G1 – 212.99 nhãn hiệu HONDA loại xe Wave, số khung RLHJA309Hy474580, số máy JA39E0449472, màu sơn trắng, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng chưa có kết quả. HĐXX đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm vật chứng, khi nào có kết quả sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo và bị hại thống nhất thỏa thuận tổng mức bồi thường thiệt hại là 18.000.000đồng. Xét thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận trên. Xác nhận bị cáo đã bồi thường trực tiếp cho bị hại số tiền 4.500.000 đồng và nộp số tiền bồi thường 13.500.000 đồng vào chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

[9] Về án phí: Bị cáo Hoàng Ngọc S phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với số tiền bồi thường 13.500.000đồng bị cáo đã nộp tiền bồi thường thiệt hại vào chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, nên bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Ngọc S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện T, tỉnh Đ giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 46, Điều 48 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 và các Điều 584, 585, 586 và 589 BLDS năm 2015.

Ghi nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại. Bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 18.000.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi

thường trực tiếp cho bị hại số tiền 4.500.000 đồng và nộp số tiền 13.500.000 đồng vào chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn theo biên bản giao nhận tài sản ngày 18/11/2019 giữa Công an huyện L và Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Nay bị cáo không phải bồi thường thêm.

3. Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Hoàng Ngọc S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp HB;
- VKSND tỉnh Hòa Bình ;
- VKSND H. L;
- CA H. L;
- THADS H. L;
- UBND xã H, H T, tỉnh Đ;
- NTGTT ;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trần Đức Thịnh**



**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp HB;
- VKSND tỉnh Hòa Bình ;
- VKSND H. Lương Sơn;
- CA H. Lương Sơn;
- THADS H. Lương Sơn;
- UBND xã Trường Sơn ;
- UBND xã Tân Vinh;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đức Thịnh**

